

THỰC TRẠNG CHẤP NHẬN TIÊM NGỪA VẮC XIN VIRUS CÚM VÀ MỘT SỐ YẾU TỐ LIÊN QUAN Ở NHÂN VIÊN Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ NĂM 2020

Huỳnh Nguyễn Phương Quang^{1}, Huỳnh Nguyễn Phương Thảo²,*

Phạm Thị Cẩm Tiên¹

1. Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Cần Thơ

2. Bệnh viện Phụ sản Thành phố Cần Thơ

**Email: drpquang@gmail.com*

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Tiêm ngừa vắc xin được xem là biện pháp dự phòng hiệu quả nhất nhằm làm giảm nguy cơ lây nhiễm và tử vong do virus cúm cho nhân viên y tế. **Mục tiêu nghiên cứu:** Xác định tỷ lệ chấp nhận tiêm ngừa vắc xin virus cúm và tìm hiểu một số yếu tố liên quan ở nhân viên y tế tại thành phố Cần Thơ năm 2020. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang trên 706 nhân viên y tế tại 14 cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Cần Thơ năm 2020. **Kết quả:** Tỷ lệ chấp nhận tiêm ngừa vắc xin virus cúm ở nhân viên y tế tại thành phố Cần Thơ năm 2020 là 81,7%. Nghiên cứu tìm thấy mối liên quan giữa chấp nhận tiêm ngừa virus cúm ở NVYT với hành vi tiêm ngừa virus cúm hàng năm ($p=0,002$; $OR=3,882$), đã được truyền thông về vắc xin virus cúm trước đó ($p=0,006$; $OR=1,871$) và nhận thức tính nguy hiểm của bệnh virus cúm ($p<0,001$; $OR=3,354$). **Kết luận:** Tỷ lệ chấp nhận tiêm ngừa vắc xin virus cúm ở nhân viên y tế tại thành phố Cần Thơ năm 2020 ở mức cao. Các chính sách về bắt buộc tiêm chủng cũng như chiến dịch giáo dục sức khỏe là các giải pháp được khuyến khích nhằm đạt tỷ lệ bao phủ cao vắc xin virus cúm hàng năm ở nhóm đối tượng này.

Từ khóa: Tiêm ngừa, bệnh cúm, chấp nhận, yếu tố liên quan.

ABSTRACT

ACCEPTANCE INFLUENZA VACCINATION AND SOME RELEVANT FACTORS OF HEALTHCARE WORKERS AT CAN THO CITY IN 2020

Quang Nguyen Phuong Huynh^{1}, Thao Nguyen Phuong Huynh², Tien Thi Cam Pham¹*

1. Can Tho Centers for Disease Control

2. Can Tho Gynecology Obstetrics Hospital

Background: Influenza vaccination is considered the most effective preventive method to reduce the risk of infection and death from influenza virus for healthcare workers. **Objectives:** To identify the acceptance rate of influenza vaccination and find out some relevant factors of healthcare workers at Can Tho city in 2020. **Material and Methods:** A cross-sectional study on 706 healthcare workers in 14 health centers at Can Tho city in 2020. **Results:** The acceptance rate of influenza

vaccination of healthcare workers at Can Tho city in 2020 was 81.7%. Results showed the association between acceptance of influenza vaccination among healthcare workers with annual influenza vaccination ($p=0.002$; $OR=3.882$), getting the information about influenza vaccine before ($p=0.006$; $OR=1.871$) and perceiving the dangers of flu ($p<0.001$; $OR=3.354$). **Conclusion:** The acceptance rate of influenza vaccination of healthcare workers at Can Tho city in 2020 was high level. Mandatory vaccination policies and health education campaigns are implemented measures to achieve annual high vaccination coverage among this group.

Keywords: Vaccination, influenza, acceptance, relevant factor.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Cúm là bệnh truyền nhiễm cấp tính gây nên những trận dịch theo mùa xảy ra hàng năm trên thế giới. Các triệu chứng thường nhẹ hoặc trung bình, nhưng có thể diễn tiến nặng dẫn đến nhập viện và tử vong.

Theo báo cáo số liệu từ năm 2010 đến năm 2020, Trung tâm Kiểm soát Dịch bệnh Hoa Kỳ (CDC) ước tính mỗi năm có khoảng 9-45 triệu ca mắc, từ 140.000-810.000 ca nhập viện và từ 12.000-61.000 ca tử vong trên thế giới [3].

Theo Tổ chức Y tế thế giới (WHO), nhân viên y tế (NVYT) là một trong số nhóm đối tượng có nguy cơ mắc bệnh cúm cao nhất và cũng là một trong những mắt xích liên quan đến việc lây truyền virus cúm sang nhóm bệnh nhân được họ chăm sóc và điều trị.

Trong đợt cúm mùa 2014-2015, tỷ lệ tiêm ngừa vắc xin virus cúm của nhân viên y tế tại Israel trung bình là 41%, chiếm 47% số bác sĩ và 35% số điều dưỡng tại các bệnh viện [8]. Tại Bệnh viện Nhi ở Thổ Nhĩ Kỳ, tỷ lệ nhân viên y tế tiêm ngừa vắc xin cúm tăng từ 10,8% giai đoạn 2016-2017 lên 39,9% vào giai đoạn 2017-2018, trong đó nhóm bác sĩ chiếm tỷ lệ cao nhất 58,5% [7]. Tỷ lệ bao phủ của vắc xin cúm mùa 2017-2018 trên đối tượng NVYT khác nhau ở một số nước châu Âu, ví dụ như ở Anh (63,2%), Tây Ban Nha (30,2%), Ý (15,6%) [5].

Việt Nam là một trong những khu vực dịch tễ của cúm mùa, hàng năm ghi nhận nhiều trường hợp mắc mới. Tuy nhiên vẫn chưa có nhiều nghiên cứu về thực trạng chấp nhận tiêm ngừa vắc xin virus cúm, đặc biệt là ở nhóm NVYT. Vì thế, chúng tôi tiến hành nghiên cứu với 2 mục tiêu:

1. Xác định tỷ lệ chấp nhận tiêm ngừa vắc xin virus cúm ở nhân viên y tế tại thành phố Cần Thơ năm 2020.
2. Tìm hiểu một số yếu tố liên quan đến việc chấp nhận tiêm ngừa vắc xin virus cúm ở nhân viên y tế tại thành phố Cần Thơ năm 2020.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

- **Tiêu chuẩn chọn mẫu:** Nhân viên y tế đang công tác tại các cơ sở y tế công lập và ngoài công lập trên địa bàn Thành phố Cần Thơ đồng ý tham gia nghiên cứu.

- **Tiêu chuẩn loại trừ:** Nhân viên y tế vắng mặt tại thời điểm nghiên cứu.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

- **Thiết kế nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang có phân tích.

- **Cỡ mẫu ước lượng tỷ lệ:**

$$n = Z^2 \cdot \frac{\alpha}{2} \times \frac{p \times (1-p)}{d^2}$$

Ở nghiên cứu này chọn mức sai số là 3% nên $d=0,03$; với độ tin cậy 95%. Chọn

$p=0,79$ là tỷ lệ tiêm ngừa vắc xin virus cúm của nhân viên y tế theo nghiên cứu của tác giả Carla L.Black tại Hoa Kỳ trong năm 2015-2016 [2].

Thay vào công thức trên ta được: $n=698$ mẫu, thực tế thu thập được 706 mẫu.

- **Phương pháp chọn mẫu:** Chọn ngẫu nhiên 14 cơ sở y tế công lập, ngoài công lập ở cả khối điều trị, khối không giường bệnh và giám định trong tổng số 26 cơ sở y tế trên địa bàn thành phố. Mỗi cơ sở khảo sát ngẫu nhiên 50 nhân viên y tế.

- **Nội dung nghiên cứu**

- Tỷ lệ nhân viên y tế chấp nhận tiêm ngừa vắc xin virus cúm.

- Một số yếu tố liên quan đến việc chấp nhận tiêm ngừa vắc xin virus cúm ở nhân viên y tế:

+ Đặc điểm về kinh tế - văn hóa - xã hội: Tuổi, giới, đơn vị, nơi công tác, trình độ, thâm niên, lĩnh vực hoạt động, chức vụ, thu nhập hàng tháng, tình trạng hôn nhân.

+ Tình trạng mắc bệnh cúm và tiêm ngừa vắc xin: Tiền sử mắc cúm, tần suất mắc cúm, loại vắc xin cúm đã tiêm ngừa.

+ Kiến thức về cúm và vắc xin ngừa virus cúm: NVYT là đối tượng nguy cơ cao, tính nguy hiểm của cúm, đã nghe nói về vắc xin virus cúm.

+ Các rào cản ảnh hưởng đến tiêm ngừa như giá thành, nguồn gốc, hiệu quả, tác dụng phụ, hỗ trợ khi xảy ra tai biến, cách thức triển khai tiêm và truyền thông về vắc xin.

- **Phương pháp thu thập và xử lý số liệu:** Số liệu thu thập qua phỏng vấn bằng bộ câu hỏi soạn sẵn. Sau đó được nhập vào phần mềm Microsoft Excel 2013 và phân tích bằng phần mềm SPSS phiên bản 20.0.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu

Bảng 1. Đặc điểm kinh tế - văn hóa – xã hội của đối tượng nghiên cứu (N=706)

Đặc điểm		Tần số	Tỷ lệ (%)	Đặc điểm		Tần số	Tỷ lệ (%)
Nhóm tuổi	<25 tuổi	44	6,2	Trình độ	Trung cấp/ Cao đẳng	353	50
	25-35 tuổi	361	51,1		Đại học	286	40,5
	36-45 tuổi	189	26,8		Sau đại học	67	9,5
	>45 tuổi	112	15,9	Thâm niên	<5 năm	185	26,2
Giới	Nam	274	38,8		5-10 năm	240	34,0
	Nữ	432	61,2	Thâm niên	11-20 năm	185	26,2
Hôn nhân	Đang có gia đình	474	67,1		>20 năm	96	13,6
	Độc thân	214	30,3	Lĩnh vực công tác	Điều trị	459	65
	Ly dị/Ly thân/Góa	18	2,6		Dự phòng	237	33,6
Nơi công tác	Tỉnh/TP	287	40,7		Giám định	10	1,4
	Quận/huyện	373	52,8	Đơn vị công tác	Công lập	582	82,4
	Xã/phường	46	6,5		Tư nhân	124	17,6
Chức vụ	Lãnh đạo đơn vị	21	3,0	Thu nhập hàng tháng	Dưới 5 triệu	189	26,8
	Lãnh đạo khoa/phòng	102	14,4		5-10 triệu	454	64,3
	Nhân viên	583	82,6		10-20 triệu	57	8,1
					>20 triệu	6	0,8

Nhận xét: Đối tượng tập trung ở nhóm tuổi từ 25-35 (51,1%) và nữ giới (61,2%), đang có gia đình (67,1%) và công tác tại tuyến quận, huyện (52,8%). Đối tượng chủ yếu là

nhân viên (82,6%) và 50% có trình độ Đại học trở lên, thâm niên 5-10 năm (34%) chiếm đa số, công tác chủ yếu trong lĩnh vực điều trị (65%) và đa số đối tượng công tác tại đơn vị công lập (82,4%), thu nhập hàng tháng của đối tượng là từ 5-10 triệu (64,3%).

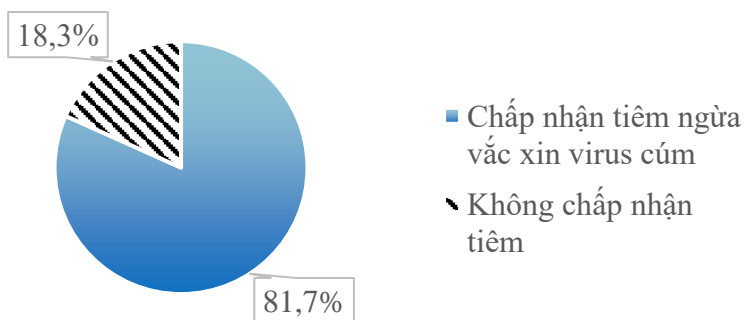
Bảng 2. Tình trạng mắc bệnh cúm và kiến thức liên quan đến vắc xin cúm

Đặc điểm		Tần số	Tỷ lệ (%)	Đặc điểm		Tần số	Tỷ lệ (%)	
Tiền sử mắc cúm trước đây	Có	316	44,8	Tính nguy hiểm của cúm	Có	658	93,2	
	Không	390	55,2		Không	48	6,8	
Tần suất mắc cúm hàng năm	Thường xuyên	20	2,8	Nhận thức NVYT là đối tượng nguy cơ dễ mắc cúm	Có	646	91,5	
	Thỉnh thoảng	356	50,4		Không	60	8,5	
	Không	330	46,8		Rào cản ảnh hưởng tiêm ngừa cúm	Giá thành vắc xin	310	18,5
Tiêm ngừa cúm hàng năm	Có	106	15	Nguồn gốc vắc xin (trong nước, ngoài nước)		268	16	
	Không	600	85	Hiệu quả của vắc xin		367	21,9	
Loại vắc xin virus cúm đã tiêm ngừa	Nước ngoài	127	42,3	Tác dụng phụ của vắc xin		275	16,4	
	Trong nước	173	57,7	Hỗ trợ khi xảy ra tai biến		159	9,5	
Đã được truyền thông vắc xin virus cúm trước đó	Có	355	50,3	Cách thức triển khai tiêm ngừa		158	9,4	
	Không	351	49,7	Truyền thông về vắc xin		139	8,3	
Nguồn thông tin	Mạng internet	292	36,1	Nguồn truyền thông tin tưởng nhất		Mạng internet	65	8,1
	NVYT tại các cơ sở tiêm ngừa	211	26,1			NVYT tại các cơ sở tiêm ngừa	542	67,2
	Báo đài	135	16,7			Báo đài	97	12
	Tờ rơi, áp phích, tranh ảnh	87	10,8		Tờ rơi, áp phích, tranh ảnh	72	8,9	
	Nguồn khác	83	10,3		Nguồn khác	31	3,8	

Nhận xét: 55,2% đối tượng không có tiền sử mắc cúm trước đây và 85% không tiêm ngừa cúm hàng năm. Loại vắc xin virus cúm NVYT đã tiêm ngừa có nguồn gốc trong nước

(57,7%); 50,3% đối tượng đã nghe truyền thông về vắc xin virus cúm và nguồn thông tin chủ yếu từ mạng Internet (36,1%), hầu hết các đối tượng nhận thức được sự nguy hiểm khi mắc bệnh cúm (93,2%) và nhân viên y tế là đối tượng có nguy cơ dễ mắc cúm (91,5%). Rào cản ảnh hưởng tiêm ngừa cúm của đối tượng trong nghiên cứu chủ yếu từ hiệu quả của vắc xin (21,9%). Nguồn truyền thông tin tưởng nhất của đối tượng là nhân viên y tế tại các cơ sở tiêm ngừa (67,2%).

3.2. Tỷ lệ chấp nhận tiêm ngừa vắc xin cúm ở nhân viên y tế



Biểu đồ 1: Tỷ lệ chấp nhận tiêm ngừa vắc xin cúm (n=706)

Nhận xét: Tỷ lệ chấp nhận tiêm ngừa vắc xin virus cúm ở nhân viên y tế tại thành phố Cần Thơ năm 2020 là 81,7%.

3.3. Một số yếu tố liên quan đến chấp nhận tiêm ngừa vắc xin virus cúm ở nhân viên y tế

Bảng 3. Chấp nhận tiêm ngừa vắc xin virus cúm ở nhân viên y tế và một số yếu tố liên quan

Đặc điểm	Chấp nhận tiêm cúm n (%)		OR (KTC 95%)	P
	Có	Không		
Đơn vị công tác	Công lập	485 (83,3)	1,739 (1,101 – 2,748)	0,017
	Tư nhân	92 (74,2)		
Tiêm ngừa cúm hàng năm	Có	100 (94,3)	4,298 (1,842 – 10,028)	<0,001
	Không	477 (79,5)		
Đã được truyền thông về vắc xin virus cúm trước đó	Có	312 (87,9)	2,355 (1,577 – 3,516)	<0,001
	Không	265 (75,5)		
Nhận thức tính nguy hiểm của bệnh cúm	Có	551 (83,7)	4,357 (2,381 – 7,974)	<0,001
	Không	26 (54,2)		
Nhận thức NVYT là đối tượng nguy cơ cao	Có	537 (83,1)	2,463 (1,386 – 4,377)	0,002
	Không	40 (66,7)		
Nguồn thông tin từ NVYT tại các cơ sở tiêm ngừa	Có	189 (89,6)	2,369 (1,45 – 3,87)	<0,001
	Không	388 (78,4)		

Nhận xét: Chấp nhận tiêm ngừa vắc xin virus cúm cao hơn ở nhóm nhân viên y tế công tác tại các đơn vị công lập (p=0,017); nhóm có tiêm ngừa cúm hàng năm (p<0,001) và đã được truyền thông về vắc xin virus cúm trước đó (p<0,001). Nhóm đối tượng nhận thức sự nguy hiểm bệnh cúm (p<0,001) và nhận thức nhân viên y tế là đối tượng nguy cơ cao (p=0,002) chấp nhận tiêm ngừa cúm cao hơn.

Bảng 4. Mối liên quan giữa chấp nhận tiêm ngừa vắc xin virus cúm và nguồn truyền thông tin tưởng nhất

Nguồn truyền thông tin tưởng nhất		Chấp nhận tiêm cúm n (%)		OR (KTC 95%)	P
		Có	Không		
Mạng internet	Có	46 (70,8)	19 (22,2)	0,502 (0,283-0,889)	0,016
	Không	531 (82,8)	110 (17,2)		
NVYT tại các cơ sở tiêm ngừa	Có	457 (84,3)	85 (15,7)	1,971 (1,301-2,988)	0,001
	Không	120 (73,2)	44 (26,8)		
Tờ rơi, áp phích, tranh ảnh	Có	65 (90,3)	7 (9,7)	2,213 (0,99-4,945)	0,048
	Không	512 (80,8)	122 (19,2)		
Nguồn khác	Có	21 (67,7)	10 (32,3)	0,449 (0,206-0,979)	0,039
	Không	556 (82,4)	119 (17,6)		

Nhận xét: Ghi nhận sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với nhân viên y tế chấp nhận tiêm ngừa vắc xin virus cúm cao hơn ở nhóm không tin tưởng nguồn thông tin từ mạng Internet ($p=0,016$); nhóm tin tưởng vào nhân viên y tế tại các cơ sở tiêm ngừa ($p=0,001$); nhóm đối tượng tin tưởng tờ rơi, áp phích, tranh ảnh chấp nhận tiêm ngừa vắc xin càng cao ($p=0,048$) và từ các nguồn truyền thông khác ($p=0,039$).

Bảng 5. Phân tích hồi quy đa biến các yếu tố liên quan đến chấp nhận tiêm ngừa vắc xin virus cúm ở nhân viên y tế thành phố Cần Thơ năm 2020

Đặc điểm	Chấp nhận tiêm cúm		Phân tích đơn biến		Hồi quy đa biến	
	Có n (%)	Không n (%)	OR (KTC 95%)	P	OR (KTC 95%)	P
Hành vi tiêm ngừa cúm hàng năm						
Có	100 (94,3)	6 (5,7)	4,298 (1,842 – 10,028)	< 0,001	3,882 (1,632 – 9,232)	0,002
Không	477 (79,5)	123 (20,5)				
Đã được truyền thông vắc xin virus cúm						
Có	312 (87,9)	43 (12,1)	2,355 (1,577 – 3,516)	< 0,001	1,871 (1,201 – 2,915)	0,006
Không	265 (75,5)	86 (24,5)				
Nhận thức tính nguy hiểm của bệnh cúm						
Có	551 (83,7)	107 (16,3)	4,357 (2,381 – 7,974)	< 0,001	3,354 (1,719 – 6,541)	< 0,001
Không	26 (54,2)	22 (45,8)				

Nhận xét: Mô hình phân tích đa biến cho thấy có 3 yếu tố liên quan có ý nghĩa thống kê với chấp nhận tiêm ngừa vắc xin virus cúm ở nhân viên y tế gồm: tiêm ngừa cúm hàng năm ($p=0,002$; $OR=3,882$), đã được truyền thông về vắc xin virus cúm ($p=0,006$; $OR=1,871$) và ghi nhận tính nguy hiểm của cúm ($p<0,001$; $OR=3,354$).

IV. BÀN LUẬN

4.1. Thực trạng chấp nhận tiêm ngừa vắc xin virus cúm ở NVYT

Trong nghiên cứu của chúng tôi, tỷ lệ chấp nhận tiêm ngừa vắc xin virus cúm ở nhân viên y tế tại thành phố Cần Thơ năm 2020 hiện ở mức cao 81,7%. Kết quả này khá phù hợp vì trong những năm gần đây Bộ Y tế đã có nhiều nỗ lực nhằm đẩy mạnh chiến dịch tiêm ngừa vắc xin virus cúm cho nhân viên y tế, hướng tới mục tiêu tăng độ bao phủ ở nhóm đối

tượng nguy cơ này trong phòng ngừa cúm mùa hàng năm.

Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cao hơn khá nhiều so với nghiên cứu của Nguyễn Thị Minh Thoa năm 2017 với trên 1450 nhân viên y tế có tỷ lệ tiêm chủng vắc xin virus cúm là 48% [9]. Sự chênh lệch này có thể lý giải do thời gian nghiên cứu khác nhau và một số đối tượng trong nghiên cứu của Nguyễn Thị Minh Thoa không chấp nhận tiêm ngừa do lo lắng về tác dụng phụ của vắc xin virus cúm (23%).

Trong nghiên cứu của Claudio Costantino năm 2020 trên 2356 nhân viên y tế được tiêm ngừa vắc xin virus cúm của 3 Bệnh viện ở Ý cho kết quả tỷ lệ tuân thủ tiêm ngừa trong năm 2016/2017 tăng đáng kể đến năm 2019/2020 lần lượt là 24,3% lên 51,8% tại Bệnh viện Đại học Palermo; từ 14,4% lên 26,4% tại Messina và từ 3,7% lên 16,4% tại Catania. Sự phản ứng phụ xảy ra sau tiêm ngừa vắc xin vẫn là một trong số những nguyên nhân chính dẫn đến kết quả này thấp hơn so với nghiên cứu của chúng tôi bên cạnh việc chọn đối tượng và địa bàn nghiên cứu khác nhau [4].

4.2. Một số yếu tố liên quan đến chấp nhận tiêm ngừa vắc xin cúm ở nhân viên y tế

Trong nghiên cứu của chúng tôi, chấp nhận tiêm ngừa vắc xin cúm ở NVYT liên quan có ý nghĩa thống kê đến các yếu tố: đối tượng có tiêm ngừa cúm hàng năm chấp nhận tiêm vắc xin virus cúm cao hơn gấp 3,8 lần so với nhóm không tiêm ($p=0,002$); chấp nhận tiêm ngừa vắc xin ở nhóm đã được truyền thông về vắc xin virus cúm cao hơn gấp 1,8 lần so với chưa truyền thông về vắc xin virus cúm ($p=0,006$) và nhóm đối tượng nhận thức cúm có tính nguy hiểm thì chấp nhận tiêm cúm gấp 3,3 lần nhóm xem nhẹ bệnh lý cúm ($p<0,001$). Có thể lý giải, cả ba nhóm trên là các nhóm đối tượng đã tiếp cận được thông tin về vắc xin và tính nguy hiểm của bệnh cúm cũng như có trải nghiệm bản thân về việc tiêm ngừa vắc xin cúm nên ở họ có tính chủ động hơn và chấp nhận tiêm ngừa cúm cao hơn nhóm đối tượng còn lại. Do đó, kết quả nghiên cứu của chúng tôi là phù hợp.

Nghiên cứu của Vasilevska năm 2014 đã phân tích và tổng hợp kết quả trên 37 nghiên cứu về đánh giá các yếu tố quyết định đến chấp nhận tiêm ngừa vắc xin của nhân viên y tế (bao gồm cả tiêm ngừa virus cúm). Các yếu tố như mong muốn bảo vệ sức khỏe cá nhân ($OR=3,42$), bảo vệ sức khỏe gia đình và bạn bè ($OR=3,28$) ghi nhận có mối liên quan chặt chẽ với chấp nhận tiêm ngừa vắc xin. Bên cạnh đó, lo lắng về tính an toàn và hiệu quả của vắc xin đã dẫn đến việc giảm chấp nhận tiêm ngừa [10].

Nghiên cứu của Amir Nutman và Naomi Yeoli năm 2016 trên 468 đối tượng nhân viên y tế tại Isreal ghi nhận kết quả về tiêm ngừa vắc xin virus cúm có liên quan đến một số yếu tố về niềm tin như cho rằng vắc xin có thể phòng ngừa virus cúm một cách hiệu quả ($OR=4,07$); có khả năng mắc bệnh cúm nếu không tiêm phòng ($OR=1,96$); nhân viên y tế là đối tượng làm tăng nguy cơ mắc bệnh cúm ($OR=2,82$) và có thể truyền bệnh cúm cho gia đình của họ ($OR=4,54$) [1].

Nghiên cứu của Fatma Ciftci năm 2018 trên 470 nhân viên y tế thuộc các khoa Cấp cứu, tim mạch, lồng ngực và nội khoa tại hai bệnh viện Đại học ở Thổ Nhĩ Kỳ. Nghiên cứu của chúng tôi tương đồng ở yếu tố tiêm chủng thường xuyên liên quan có ý nghĩa thống kê đến chấp nhận tiêm ngừa vắc xin cúm. Ngoài ra, các yếu tố trình độ văn hóa từ cao đẳng trở lên, chủ yếu là bác sĩ và có kinh nghiệm chuyên môn trên 5 năm ghi nhận có liên quan đến tỷ lệ chấp nhận tiêm ngừa vắc xin cúm ở nhân viên y tế trong nghiên cứu của Fatma Ciftci [6].

V. KẾT LUẬN

Qua nghiên cứu ghi nhận tỷ lệ chấp nhận tiêm ngừa vắc xin virus cúm ở nhân viên

y tế tại thành phố Cần Thơ năm 2020 là 81,7% ở mức cao. Các yếu tố liên quan đến chấp nhận tiêm ngừa cúm ở nhân viên y tế bao gồm: Có tiêm ngừa cúm hàng năm, đã được truyền thông về vắc xin virus cúm và nhận thức tính nguy hiểm của cúm.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Amir Nutman, Naomi Yeoli (2016), Influenza vaccination motivators among healthcare personnel in a large acute care hospital in Isra, *Journal of Health Policy Research*, 5: 52.
2. Black CL, Yue X, Ball SW, Donahue SM, Izrael D, de Perio MA, Laney AS, Williams WW, Lindley MC, Graitcer SB, *et al.* (2016), Influenza Vaccination Coverage Among Health Care Personnel - United States, 2015–16 Influenza Season, *Morb Mortal Weekly Rep*, 65:1026-31.
3. Centers for Disease Control and Prevention (2020), National Center for Immunization and Respiratory Diseases.
4. Claudio Costantino (2020), Attitudes and Perception of Healthcare Workers Concerning Influenza Vaccination during the 2019/2020 Season: A Survey of Sicilian University Hospitals, *Vaccines*, 8: 868.
5. ECDC (2018), Seasonal influenza vaccination and antiviral use in EU/EEA Member States – Overview of vaccine recommendation for 2017 – 2018 and vaccination coverage rates for 2015-2016 and 2016-2017 influenza seasons.
6. Fatma Ciftci *et al.* (2018), Beliefs, attitudes, and activities of healthcare personnel about influenza and pneumococcal vaccines, *Human Vaccines and Immunotherapeutics*, vol 14, no.1, pp.111-117.
7. Melahat Melek Oguz (2019) Improving influenza vaccination uptake among healthcare workers by on-site influenza vaccination campaign in a tertiary children hospital, *Human Vaccines & Immunotherapeutics*, 15:5, 1060-1065.
8. Ministry of Health Israel (2015), Vaccination of Medical Teams for Influenza, Winter 2014/5.
9. Thoa Thi Minh Nguyen et al (2020), Acceptability of seasonal influenza vaccines among health care workers in Vietnam in 2017, *Vaccine* 38 (8), pp. 2045-2050.
10. Vasilevska M, Ku J, Fisman DN (2014), Factors associated with healthcare worker acceptance of vaccination: a systematic review and meta-analysis, *Infect Control Hosp Epidemiol*, 35(6):699-708.

(Ngày nhận bài: 8/7/2021 – Ngày duyệt đăng: 11/8/2021)
